

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lộc Thị B, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Lộc Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị B và anh Trần Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/3/2017. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, hiện nay không còn tình cảm với nhau. Nay chị B yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Kiều N (nữ), sinh ngày 10/01/2012 và Trần Tấn L (nam), sinh ngày 25/01/2015, hiện nay chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh T thống nhất vợ chồng có 02 người con chung như chị B trình bày và đồng ý giao Trần Kiều N, Trần Tấn L cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi Trần Tấn L mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, anh T yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại văn bản ngày 05/6/2025 của chị Lộc Thị B và ngày 24/7/2025 của anh Trần Văn T đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị B và anh Trần Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) vào ngày 22/3/2017 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lộc Thị B, thấy rằng: Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; trường hợp tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại các văn bản thể hiện ý chí của chị B và anh T thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 02 người con chung tên Trần Kiều N (nữ), sinh ngày 10/01/2012 và Trần Tấn L (nam), sinh ngày 25/01/2015, hiện nay chị B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị B yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con và anh T thống nhất giao các con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thống nhất thỏa thuận của chị B và anh T là trên tinh thần tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các con chung được Tòa án ghi nhận tại văn bản ngày 05/6/2025 nên được chấp nhận. Giao con chung Trần Kiều N và Trần Tấn L cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi Trần Kiều N và Trần Tấn L mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của vợ

chồng là ngang nhau và cần xem xét trên cơ sở điều kiện sống, thu nhập của chị B và anh T. Chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cả 02 người con nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh khoản thu nhập bình quân hàng tháng của anh T nên không có căn cứ để buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả 02 người con chung. Tại văn bản ngày 24/7/2025, anh T thống nhất cấp dưỡng cho con chung Trần Tấn L mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật và nghĩa vụ của vợ chồng đối với con chung sau khi ly hôn nên được chấp nhận. Chị B và anh T không xác định phương thức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng nhưng để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Tấn L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị B. Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lộc Thị B ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Kiều N (nữ), sinh ngày 10/01/2012 và Trần Tấn L (nam), sinh ngày 25/01/2015 cho chị Lộc Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Tấn L mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ ngày 24/7/2025 cho đến khi Trần Tấn L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lộc Thị B và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

- Chị Lộc Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 14/4/2025, chị Lộc Thị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0005467 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được chuyển thu.

- Anh Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Dương Minh Út